

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2017/DS-ST
Ngày: 28-9-2017
V/v: “T/c tiền hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Như Học.
2. Ông Nguyễn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hồng Ngân là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên Tòa: Bà Phạm Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 6 năm 2017 về “Tranh chấp tiền hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2017/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 20/2017/QĐST-DS ngày 13/9/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Hồng T, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Vợ chồng ông Đặng Minh L, sinh năm 1976 và bà Lê Thị L, sinh năm 1978 (hai đương sự vắng).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Huỳnh Hồng D, sinh năm 1984 (xin vắng).

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

3.2. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1953 (xin vắng).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 16/6/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – Bà Huỳnh Hồng T trình bày:**

Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu vợ chồng ông L, bà L thanh toán tổng số tiền là 109.000.000 đồng. Cụ thể:

- Hụi khai ngày 30/9/2014, loại hụi 2.000.000 đồng, có 40 chung. Vợ chồng ông L bà L tham gia 01 chung, hốt ở kỳ thứ 09 số tiền 47.000.000 đồng, phải đóng hụi chết lại 31 kỳ $\times$ 2.000.000 đồng/kỳ = 62.000.000 đồng. Ông L bà L có gửi đóng tiền hụi chết nhiều lần nhưng không theo chu kỳ khai hụi và hiện còn nợ lại số tiền hụi chết 32.000.000 đồng.

- Hụi khai ngày 30/9/2015, hụi 43 chung, loại hụi 1.000.000 đồng. Vợ chồng ông L bà L tham gia 01 chung hốt kỳ thứ 16 được 30.930.000 đồng, phải đóng lại 27 kỳ = 27.000.000 đồng. Vợ chồng ông L bà L đã đóng được 10 kỳ hụi chết nên còn nợ lại 17 kỳ hụi chết là 17.000.000 đồng.

Ngoài ra vợ chồng ông L bà L còn nợ bà T số tiền vay là 30.000.000 đồng + 25.000.000 đồng + 5.100.000 đồng = 60.100.000 đồng, lãi suất vay theo thỏa thuận là 06%/ tháng, đến nay vợ chồng L L chỉ đóng được số tiền lãi 9.000.000 đồng.

Như vậy, tổng các khoản vợ chồng L L nợ bà T là 32.000.000 đồng + 17.000.000 đồng + 60.100.000 đồng = 109.100.000 đồng (bà T tính tròn là 109.000.000 đồng).

Tại phiên tòa bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền chứng từ không rõ ràng, bà T yêu cầu vợ chồng ông L thanh toán 30.100.000 đồng tiền hụi chết.

* Đối với bị đơn là vợ chồng ông Đặng Minh L và bà Lê Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng nhưng ông L bà L không có mặt tại Tòa án và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

*** Tại bản tự khai ngày 07/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án bà Huỳnh Hồng D trình bày:**

Chị D là em ruột của Huỳnh Hồng T, T là người trực tiếp giao dịch với chị D để hốt các chung hui giao tiền cho vợ chồng ông L, bà L. Đối với nghĩa vụ đóng hui chết cho D thì bà T thực hiện đầy đủ. Giữa bà T với vợ chồng ông L giao dịch như thế nào và thiếu bao nhiêu tiền thì chị D không nắm được, tranh chấp giữa bà T với vợ chồng ông L, bà L không liên quan đến chị D, chị D cũng không có quyền lợi và nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án.

Do bận công việc gia đình và điều kiện đi lại khó khăn nên chị D xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án và xin vắng mặt phiên xét xử.

*** Tại bản tự khai ngày 07/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Huỳnh Văn T trình bày:**

Ông T là cha ruột của Huỳnh Hồng T.

Việc tranh chấp giữa T và vợ chồng ông L, bà L ông T không biết rõ sự việc và cũng không liên quan gì đến ông T. Do D là con gái ông T làm chủ hui, những lúc D bận việc nhờ tôi viết giấy giao hui để giao cho hui viên, ông T viết giấy dùm chứ không liên quan đến quyền, nghĩa vụ của ông. Ông T xin được từ chối tham gia tố tụng và từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án về vụ án này.

Vì tuổi tôi đã cao và điều kiện đi lại khó khăn không thể thường xuyên có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được. Xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, kể cả hòa giải và xét xử.

Tại phiên tòa:

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn phát biểu: Việc chấp hành thủ tục tố tụng trong vụ án là đúng quy định pháp luật, viện kiểm sát không có ý kiến. Xét yêu cầu khởi kiện của bà T là hợp lý và có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T.

- Bà Huỳnh Hồng T rút một phần yêu cầu khởi kiện, bà T chỉ yêu cầu vợ chồng ông L bà L thanh toán số tiền hui còn nợ là 30.100.000 đồng theo như kết quả giám định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng, nhưng vợ chồng ông Đặng Minh L và bà Lê Thị L vắng mặt không lý do nên áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt với ông Đặng Minh L bà Lê Thị L; áp dụng khoản 1 Điều 228 xét xử vắng mặt với người có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt là Huỳnh Hồng D, ông Huỳnh Văn T.

2. Về quan hệ pháp luật

Bà T yêu cầu vợ chồng ông L bà L có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền hui còn nợ nên quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp tiền hui”.

3. Áp dụng pháp luật: Giao dịch giữa các bên phát sinh thể hiện tại các biên nhận nợ vào năm 2016, phía vợ chồng bà L không thực hiện nghĩa vụ sau khi nhận nợ nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 xét xử.

4. Về nội dung vụ án

Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu vợ chồng bà L, ông L thanh toán tổng số tiền 109 triệu đồng gồm tiền vay, tiền hui. Do vợ chồng bà L vắng mặt không cung cấp văn bản, chứng cứ cho Tòa án nên phải gánh chịu hậu quả của việc không chứng minh để bảo vệ quyền lợi của mình.

Xét yêu cầu của bà T: Tại đơn khởi kiện bà T yêu cầu thanh toán tổng số tiền 109.000.000 đồng, tại phiên tòa bà T rút một phần chỉ yêu cầu thanh toán 30.100.000 đồng, căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần rút yêu cầu.

Bà T yêu cầu thanh toán tổng số tiền hui chết là 30.100.000 đồng. Do bị đơn vắng mặt, bà T yêu cầu giám định chữ viết, chữ ký tên của vợ chồng ông L bà L. Tòa án có quyết định trưng cầu giám định gửi Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau giám định. Mẫu để so sánh giám định là bút tích do bà L viết kê khai những món hàng bán tạp hóa, đối chiếu với biên nhận tiền thể hiện tại bút lục số 01 và số 06 đóng dấu bút lục Tòa án nhân dân huyện Năm Căn.

Kết luận giám định số 189-GĐ-2017 ngày 18/9/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau kết luận chữ viết có trong giấy nợ ở bút lục số 01,06 và mẫu đem đi giám định là do cùng một người viết ra.

Như vậy, mẫu đưa đi giám định là bút tích của bà L do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận giấy nợ tại bút lục số 01 và 06 do bà L viết ra.

Nội dung bút lục số 01 thể hiện: cũ còn lại 5.100.000 đồng; nội dung bút lục số 06 thể hiện: còn thiếu lại 25 triệu đồng.

Do đó xác định được nội dung hai giấy nợ thể hiện số tiền bà L thiếu bà T là 25.000.000 đồng + 5.100.000 đồng = 30.100.000 đồng.

Trách nhiệm thanh toán nợ: Tại khoản 2 Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nghĩa vụ do vợ hoặc chồng thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình”* thì vợ chồng có nghĩa vụ chung về tài sản. Giao dịch này thực hiện trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông L, bà L. Do vợ chồng bà L vắng mặt đã không cung cấp chứng cứ nhằm chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình nên không thể xác định đây là khoản nợ riêng. Vì vậy, buộc vợ chồng ông L, bà L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà T số tiền hụi là 30.100.000 đồng.

4. Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Bà Huỳnh Hồng T yêu cầu giám định tư pháp đối với chữ ký chữ viết của vợ chồng ông L bà L. Tổng chi phí giám định là 3.440.000 đồng, bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định, đã nộp đủ không phải nộp tiếp.

Ý kiến của Viện kiểm sát là có căn cứ pháp luật.

Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%, vợ chồng ông L bà L nhiệm liên đới chịu số tiền án phí là 1.505.000 đồng.

Bà T được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét vắng mặt với vợ chồng ông Đặng Minh L bà Lê Thị L; ông Huỳnh Văn T và Huỳnh Hồng D.

Áp dụng: Điều 479 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hội họ biểu phùng; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đình chỉ đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của bà T.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc vợ chồng ông L bà L có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà T số tiền 30.100.000 đồng.

Ngoài ra, kể từ ngày bà T có đơn yêu cầu thi hành án. Trường hợp ông L bà L chậm thanh toán số tiền cho bà T thì ông L bà L phải chịu lãi suất chậm thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Chi phí giám định: Bà Huỳnh Hồng T yêu cầu giám định tư pháp đối với chữ ký chữ viết của vợ chồng ông L bà L. Tổng chi phí giám định là 3.440.000 đồng, bà T tự nguyện chịu toàn bộ chi phí giám định, đã nộp đủ không phải nộp tiếp.

Về án phí dân sự: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%, vợ chồng ông L bà L nhiệm liên đới chịu số tiền án phí là 1.505.000 đồng.

Bà T nộp tạm ứng án phí số tiền 2.725.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015496 ngày 16/6/2017 được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án Tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hiền